

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV
nhiệm kỳ 2020-2025; nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới**

Thực hiện Công văn số 8497/VPCP-QHĐP, ngày 31/10/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc gửi báo cáo chuẩn bị nội dung làm việc của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Lai Châu, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025; nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới như sau:

A- ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Lai Châu là tỉnh miền núi phía Tây Bắc của Tổ quốc có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, có 265,165 km đường biên giới giáp với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; diện tích tự nhiên 9.068,78 km²; có 8 đơn vị hành chính cấp huyện (7 huyện, 1 thành phố), 4 huyện nghèo đồng thời là huyện biên giới; 106 xã, phường, thị trấn (trong đó: 54 xã đặc biệt khó khăn, 22 xã biên giới); dân số trên 48 vạn người, gồm 20 dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 84%. Đảng bộ tỉnh có 12 đảng bộ trực thuộc, có 551 tổ chức cơ sở đảng, 03 đảng bộ bộ phận, 1.903 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận; tổng số 30.542 đảng viên.

**B- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ
TỈNH LẦN THỨ XIV, NHIỆM KỲ 2020-2025**

**I- CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC
HIỆN NGHỊ QUYẾT**

1. Công tác quán triệt, học tập, tuyên truyền Nghị quyết

Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc nghiên cứu quán triệt, học tập, tuyên truyền nghị quyết đại hội Đảng các cấp, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV¹; phân công các đồng chí ủy viên cấp ủy các cấp lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện. Tỷ lệ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức tham gia nghiên cứu, học

¹ Ban hành 60 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Trung ương; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, các nghị quyết chuyên đề, đề án, chỉ thị, kết luận của Tỉnh ủy.

tập nghị quyết đạt cao² (*Phụ lục 1*). Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh tuyên truyền đến đoàn viên, hội viên và nhân dân. Qua đó đã nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc về những nội dung cơ bản cốt lõi, những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, tạo sự thống nhất về tư tưởng và hành động, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

2. Việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết

Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 04-CTr/TU, ngày 8/12/2020, Chương trình hành động số 09-CTr/TU, ngày 19/7/2021 thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, đồng thời cụ thể hóa bằng 18 nghị quyết chuyên đề, đề án, chỉ thị, kết luận (*Phụ lục 2*), trong đó tập trung thực hiện 4 chương trình trọng điểm, 4 nhiệm vụ đột phá chiến lược và 4 nhóm giải pháp chủ yếu. Các cấp uỷ đảng, chính quyền đã xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện với những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, xác định rõ lộ trình, phân công trách nhiệm và bố trí nguồn lực thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị. Tổ chức sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, các Nghị quyết chuyên đề, xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thực hiện mục tiêu Nghị quyết đến cuối nhiệm kỳ.

II- KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Về phát triển kinh tế

Kinh tế tiếp tục phục hồi và tăng trưởng, trung bình giai đoạn 2021-2023 ước đạt 3,91%/năm³; cơ cấu kinh tế chuyển dịch hợp lý; tổng sản phẩm (GRDP) bình quân đầu người năm 2023 ước đạt 47,45 triệu đồng, tăng 4,12 triệu đồng so với năm 2020, cụ thể:

a) Lĩnh vực nông, lâm nghiệp

Tỉnh sớm ban hành và triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung⁴. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với liên kết, bao tiêu sản phẩm, phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản, đồng thời xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, nâng

² Trong 2,5 năm Tỉnh ủy đã tổ chức 18 hội nghị trực tuyến; cấp ủy các cấp tổ chức 31.041 hội nghị với 2.103.994 lượt người tham dự, tỷ lệ cán bộ, đảng viên tham gia học tập trung bình mỗi đợt đạt 96-97%.

³ Tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2021 đạt 3,9%, năm 2022 đạt 9%, năm 2023 ước -0,95%.

⁴ Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 22/2/2021 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 quy định chính sách về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 phê duyệt Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gđ 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định 422/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 về phê duyệt Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường.

Giá trị tổng sản phẩm toàn ngành nông nghiệp tăng bình quân 4,5%/năm, chiếm 15,16% trong cơ cấu GRDP. Đã hình thành 3.859 ha lúa hàng hóa tập trung với các giống lúa chất lượng cao và đặc sản⁵, 9.811 ha chè, 1.666 ha cây ăn quả các loại; 3.594 ha cây mắc ca, 4.433 ha quế; tiếp tục chăm sóc, bảo vệ 12.944 ha cây cao su, đã khai thác 8.375 ha. Cây dược liệu quý có lợi thế phát triển khá nhanh, toàn tỉnh có 11.053 ha⁶, trong đó có 35 ha Sâm Lai Châu, 10,8 ha cây bảy lá một hoa. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được tăng cường chỉ đạo thực hiện⁷, thực hiện trồng mới khoảng 6.800 ha rừng; ước hết năm 2023, tổng diện tích rừng đạt 494.224 ha⁸, tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 52,3%, tăng 1,8% so với năm 2020. Tiếp tục thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới theo hướng thực chất, đi vào chiều sâu và phát triển bền vững. Đến nay, 41,5% xã đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân 13,9 tiêu chí/xã; toàn tỉnh có 158 sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên.

Trong 10 tháng năm 2023: Sản xuất nông nghiệp được duy trì và đảm bảo mùa vụ, các chỉ tiêu về sản xuất nông nghiệp cơ bản đảm bảo tiến độ kế hoạch và tăng so với cùng kỳ năm trước: Đã gieo cấy 31.392 ha lúa, vượt kế hoạch 1%, trong đó diện tích lúa hàng hóa tập trung đạt 3.859 ha, đạt 100% kế hoạch; diện tích ngô xuân hè đạt 16.809 ha, vượt kế hoạch 3,4%, trồng 2.816 ha ngô thu đông đạt 85,9% kế hoạch; trồng mới chè đạt 400 ha, vượt kế hoạch 5 ha; trồng mới 525 ha cây ăn quả, vượt 1,9 lần so với kế hoạch; tổng đàn gia súc ước đạt trên 354 nghìn con; trồng rừng mới đạt 2.151 ha, bằng 95,6% kế hoạch. Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi cơ bản được kiểm soát.

b) Công nghiệp, xây dựng

Tiếp tục phát triển theo định hướng, chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu GRDP của tỉnh (trên 38%). Các dự án công nghiệp trọng điểm đã và đang được triển khai, từng bước phát huy hiệu quả: Đến nay đã có 44 công trình thủy điện phát điện với tổng công suất 2.296,8 MW; quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư dự án khai thác, chế biến mỏ đất hiếm Bắc Nậm Xe với tổng công suất thiết kế khai thác 400.000 - 600.000 tấn/năm quặng đất hiếm nguyên khai. Từng bước hình thành và phát triển công nghiệp chế biến, trọng tâm là chế biến nông, lâm, thủy sản⁹. Các khu, cụm công

⁵ Sử dụng các giống lúa thuần chất lượng như: Sóng cù, PC6, Tê râu, J01, nếp tan Co Giàng,...

⁶ Gồm các loại cây: Thảo quả, sa nhân, gừng, riềng, nghệ, đương quy, actiso, sâm, bảy lá một hoa...

⁷ Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 03/2/2021 của Tỉnh ủy về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Chỉ thị số 17/CT-UBND, ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô 2021-2022...

⁸ Trong đó: rừng tự nhiên 454.755 ha, rừng trồng 26.524 ha, cây Cao su 12.944 ha.

⁹ Với 26 doanh nghiệp, hợp tác xã và 80 hộ cá thể chế biến chè; 1 nhà máy chế biến mù cao su, 7 nhà máy sản xuất gạch, 1 nhà máy sản xuất xi măng, 78 cơ sở chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

nghiệp được quan tâm quy hoạch và xây dựng, đang tập trung quy hoạch, xây dựng và phát triển 01 khu kinh tế, 01 khu công nghiệp và 04 cụm công nghiệp¹⁰. Tiêu thủ công nghiệp phát triển với quy mô nhỏ, duy trì 04 danh hiệu làng nghề và 01 danh hiệu nghề truyền thống thuộc nhóm nghề chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản¹¹.

Trong 10 tháng năm 2023: Tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, có thêm 10 dự án thủy điện hoàn thành đi vào vận hành phát điện với tổng công suất lắp máy là 156,6 MW. Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 5.276 tỷ đồng, bằng 68,9% kế hoạch, giảm 16,6% so với cùng kỳ năm trước. Triển khai thực hiện tốt các hoạt động quản lý về xây dựng, vật liệu xây dựng, kiến trúc quy hoạch và nhà ở theo quy định. Đã phê duyệt 05 đề án Quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch xây dựng, tiếp tục triển khai 05 đề án quy hoạch phân khu chức năng.

c) Thương mại - dịch vụ

Các ngành thương mại - dịch vụ của tỉnh đang từng bước phát triển. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng giai đoạn 2021-2023 ước đạt 22.780 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 10,8%/năm. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2023 ước đạt 146,03 triệu USD (chủ yếu là thiết bị thủy điện); giá trị xuất khẩu của địa phương ước đạt 34 triệu USD (chủ yếu chè và một số hàng địa phương khác). Tổng lượt khách du lịch đến Lai Châu giai đoạn 2021-2023 đạt gần 2 triệu lượt người, tăng bình quân 33,2%/năm, doanh thu ước đạt 1.425 tỷ đồng. Dịch vụ vận tải, bưu chính, viễn thông, tài chính ngân hàng tiếp tục phát triển.

Trong 10 tháng năm 2023: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 6.993,5 tỷ đồng, bằng 84,1% kế hoạch, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước; Tổng giá trị xuất nhập khẩu ước đạt 34,2 triệu USD, bằng 89,3% kế hoạch, giảm 13% so với cùng kỳ năm trước. Dịch vụ vận tải tiếp tục phát triển, doanh thu vận tải ước đạt 270,7 tỷ đồng, bằng 85,5% kế hoạch, tăng 16,5% so với cùng kỳ năm trước. Lượng khách du lịch đến với Lai Châu tăng mạnh, toàn tỉnh ước đón trên 883 nghìn lượt khách, vượt 7,8% kế hoạch, tăng 36% so với cùng kỳ năm trước, doanh thu ước đạt trên 650 tỷ đồng, vượt 3,2% kế hoạch, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm trước.

d) Tài chính, ngân hàng

¹⁰ Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Ma Lò Thàng, Khu công nghiệp Mường So, Cụm công nghiệp Than Uyên...

¹¹ (1) Làng nghề sản xuất các loại bánh dân tộc (Bánh Bông, Bánh Khảo, Bánh Rán, Bánh Đúc, Bánh Phở) tại bản San Thàng 1, xã San Thàng, thành phố Lai Châu; (2) Làng nghề sản xuất miến dong bản Hoa Lư, xã Bình Lư, huyện Tam Đường; (3) Làng nghề sản xuất miến dong bản Vân Bình, xã Bình Lư, huyện Tam Đường; (4) Làng nghề sản xuất miến dong bản Thông Nhất, xã Bình Lư, huyện Tam Đường; Nghề nấu rượu ngô truyền thống tại Bản Sùng Chồ, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hằng năm cơ bản đạt dự toán trung ương giao, bình quân đạt 2.142 tỷ đồng/năm¹². Tổng chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2023 ước đạt trên 30.000 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt trên 17.000 tỷ đồng, chiếm 58% tổng chi ngân sách. Hoạt động ngân hàng ổn định, an toàn; mạng lưới các ngân hàng ngày càng mở rộng¹³. Huy động vốn tại địa phương giai đoạn 2021-2023 tăng bình quân 11%/năm. Triển khai thực hiện hiệu quả các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp, hỗ trợ phục hồi phát triển kinh tế. Dự ước đến cuối năm 2023, tổng dư nợ tín dụng toàn tỉnh đạt trên 19.000 tỷ đồng, tăng 23,3% so với năm 2020; tỷ lệ nợ xấu nội bảng hằng năm luôn dưới 2%, tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt đạt 88,5%.

Trong 10 tháng năm 2023: Công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước được tập trung thực hiện đồng bộ, quyết liệt; thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 1.503 tỷ đồng, bằng 73% dự toán Trung ương giao và bằng 61% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 10% so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động ngân hàng ổn định, an toàn, đáp ứng nhu cầu của cá nhân, tổ chức trong tiếp cận các dịch vụ ngân hàng. Tổng huy động vốn của các ngân hàng thương mại đạt 20.287 tỷ đồng, tăng 15,0% so với cùng kỳ năm trước, tổng dư nợ đạt 19.365 tỷ đồng, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước.

đ) Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp

Chính quyền các cấp tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành; xây dựng, hoàn chỉnh thể chế, cơ chế, chính sách, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường kết nối, đối thoại, trao đổi thông tin giữa chính quyền các cấp, giữa chính quyền với Nhân dân và doanh nghiệp. Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) tỉnh Lai Châu năm 2022 xếp vị trí thứ 24/63 tỉnh, thành phố, tăng 14 bậc so với năm 2020); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) xếp vị trí thứ 27/63 tỉnh, thành phố tăng 28 bậc so với năm 2020; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) đạt 79,34%, xếp vị trí thứ 35/63 tỉnh, thành phố, tăng 01 hạng so với năm 2020.

Hàng năm triển khai nhiều hoạt động nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội và đầu tư tại tỉnh. Từ năm 2021 đến nay, đã giới thiệu cho 162 nhà đầu tư vào khảo sát, đề xuất phương án đầu tư tại tỉnh, thu

¹² Năm 2021: 2.067,7 tỷ đồng; năm 2022: 2.223,6 tỷ đồng; năm 2023: ước đạt 2.134 tỷ đồng

¹³ Hiện trên địa bàn tỉnh có 9 tổ chức tín dụng (gồm 5 ngân hàng, 2 chi nhánh, 2 quỹ tín dụng nhân dân) với 40 điểm giao dịch cố định. So với năm 2020 tăng 1 ngân hàng (HD banhk), 2 điểm giao dịch.

hút được 55 dự án, tổng vốn đăng ký: 14.678 tỷ đồng, lũy kế trên địa bàn tỉnh có 296 dự án đã và đang đầu tư với tổng vốn đăng ký đầu tư 142.327 tỷ đồng.

Giai đoạn 2021-2023, trên địa bàn tỉnh có 472 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới; tổng vốn điều lệ đăng ký đạt 11,36 nghìn tỷ đồng. Ước hết năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 1.964 doanh nghiệp hoạt động.

e) Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Tiếp tục quan tâm, tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện. Vốn đầu tư công ưu tiên đầu tư các ngành, lĩnh vực then chốt, các công trình, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa rộng và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng; hầm đường bộ Hoàng Liên các tuyến đường tỉnh 129, 130, 132, 133; đường hành lang Phong Thổ - Bát Xát; hạ tầng cụm công nghiệp Than Uyên; hạ tầng kỹ thuật đô thị; nâng cấp hạ tầng các khu, điểm tái định cư; hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông phục vụ thực hiện Chiến lược chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số... Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 đạt 95,7%, năm 2022 đạt 94,8%; 10 tháng năm 2023 đạt 47,3% kế hoạch vốn giao chi tiết. Các dự án đầu tư sau khi hoàn thành đều phát huy hiệu quả, góp phần từng bước hoàn thiện¹⁴, tháo gỡ “điểm nghẽn” về cơ sở hạ tầng; hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; tạo điều kiện thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước vào địa bàn tỉnh; thúc đẩy tăng trưởng, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân.

Trong 10 tháng năm 2023: Công tác triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện rất quyết liệt, UBND tỉnh đã bám sát các chỉ đạo của Trung ương và tình hình thực tế của Tỉnh để chỉ đạo các đơn vị tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Công tác kiểm tra, giám sát đôn đốc triển khai được quan tâm, đã thành lập Tổ công tác đặc biệt, các Đoàn công tác của UBND tỉnh, các Sở, ban ngành tỉnh tổ chức kiểm tra tại các huyện, thành phố, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, giải ngân các dự án, đặc biệt là đối với các dự án quan trọng, được giao kế hoạch vốn lớn. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 là: 3.707,1 tỷ đồng (*vốn NSDP: 936,2 tỷ đồng; vốn NSTW trong*

¹⁴ Ước thực hiện hết năm 2023: số thôn, bản có đường xe máy hoặc ô tô đi lại thuận lợi đạt 98,6%, tăng 4,9 điểm% so với năm 2020; tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia ước đạt 96,5%, tăng 1,4 điểm% so với năm 2020; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 90%, tăng 4,8 điểm%. Hạ tầng đô thị tiếp tục được quan tâm đầu tư, chỉnh trang, nâng cấp theo quy hoạch, tỷ lệ đô thị hóa đạt 17,7%; tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 99%, tăng 3,5 điểm%; tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt tại đô thị đạt 98,2%. Hạ tầng văn hóa, xã hội từng bước đầu tư, tỷ lệ trường học được xây dựng kiên cố đạt 99,7%; tỷ lệ trạm y tế xã được xây dựng kiên cố đạt 94,2%; tỷ lệ thôn, bản, khu dân cư có nhà văn hóa đạt 84,1%...

nước: 1.782,2 tỷ đồng; vốn NSTW thực hiện 03 chương trình MTQG: 985,05 tỷ đồng; vốn ODA: 3,66 tỷ đồng), đến 31/10/2023 đã giải ngân được 47,3% kế hoạch vốn giao chi tiết.

Đối với các chương trình MTQG: Thực hiện các quy định của Trung ương, Tỉnh đã ban hành cơ bản đầy đủ, đồng bộ với tổng số hơn 80 văn bản, đảm bảo cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện các Chương trình MTQG (01 Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; 22 Nghị quyết của HĐND tỉnh; 03 Quyết định của Ban Chỉ đạo chương trình MTQG tỉnh; 26 Quyết định, 28 Kế hoạch của UBND tỉnh; ngoài ra UBND tỉnh, các Sở, ngành ban hành nhiều văn bản đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy giải ngân, ...). Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 các cấp đã được kiện toàn đồng bộ, kịp thời. Ngoài ra, UBND tỉnh cũng đã biên tập, xuất bản 1.000 cuốn sách về “Cơ chế, chính sách thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu” với gần 500 trang gồm tập hợp các văn bản về cơ chế chính sách của tỉnh, phát cho các đơn vị giúp tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao hiểu biết, thuận lợi trong tra cứu góp phần thực hiện hiệu quả, đảm bảo đúng các quy định pháp luật.

Tỉnh đã giao toàn bộ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2023 đến các đơn vị thực hiện đến các đơn vị thực hiện với tổng kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 là 3.591,2 tỷ đồng; tổng kế hoạch vốn triển khai thực hiện trong năm 2023 là: 2.054,91 tỷ đồng (vốn đầu tư: 985,05 tỷ đồng¹⁵; vốn sự nghiệp: 1.069,86 tỷ đồng¹⁶), giải ngân đến 31/10/2023: vốn đầu tư đạt 55,3%, vốn sự nghiệp đạt 9,85%¹⁷.

f) Về triển khai chương trình phục hồi phát triển kinh tế xã hội

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, đã ban hành Kế hoạch số 459/KH-UBND ngày 21/02/2022 để chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ giải pháp về phát triển kinh tế xã hội; giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; phòng chống dịch COVID-19; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh,

¹⁵ Trong đó: kế hoạch năm 2023: 881.799 triệu đồng, kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023: 103.251 triệu đồng;

¹⁶ Trong đó: kế hoạch năm 2023: 830.601 triệu đồng, kế hoạch năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023: 239.259 triệu đồng.

¹⁷ Tỷ lệ giải ngân vốn sự nghiệp không bao gồm số vốn năm 2023 chưa phân bổ cho các đơn vị là 213.962 triệu đồng của Tiểu dự án 1 - Dự án 3 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN (do trung ương chưa có hướng dẫn cụ thể về nội dung chi hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cho các đối tượng đã được hưởng chính sách từ nguồn kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng) và số vốn 138.584 triệu đồng năm 2022 kéo dài sang năm 2023 không có khả năng thực hiện (gồm: 92.526 triệu đồng của tiểu dự án 1 - dự án 3; 17.298 triệu đồng của tiểu dự án 2 - dự án 3; 22.498 triệu đồng của tiểu dự án 1 - dự án 9 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN; còn lại là hết nhiệm vụ chi).

thu hút đầu tư; triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ, miễn giảm thuế theo quy định của Trung ương.

Đối với vốn đầu tư: Tỉnh Lai Châu được giao 03 danh mục dự án đầu tư thuộc lĩnh vực y tế với tổng kế hoạch vốn là 143 tỷ đồng. Đến nay đang triển khai thực hiện các dự án và đã giải ngân được 25,7 tỷ đồng, bằng 18% kế hoạch vốn giao.

2. Về văn hóa xã hội

Các hoạt động văn hóa diễn ra sôi nổi, tổ chức thành công nhiều sự kiện thể thao, văn hóa cấp quốc gia, khu vực; bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc được giữ gìn, khôi phục bước đầu phục vụ tốt cho phát triển du lịch. Triển khai thực hiện tốt chủ trương, chính sách về đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, hệ thống trường lớp học được quan tâm đầu tư, ước cuối năm 2023 có 62,1% trường chuẩn đạt quốc gia, tăng 12,7 điểm % so với năm 2020. Hệ thống y tế từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, đội ngũ cán bộ y tế được kiện toàn và quan tâm đào tạo, nâng cao trình độ, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, ước đến hết năm 2023, đạt 13 bác sỹ/vạn dân, tăng 1,3 bác sỹ so với năm 2020, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 91%. Các chính sách an sinh xã hội được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch Covid-19; công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm được triển khai tích cực, bình quân giải quyết việc làm cho gần 8,7 nghìn lao động/năm, tổ chức đào tạo nghề cho hơn 8,4 nghìn người/năm, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 58,3%. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, bình quân giảm 3,4%/năm, riêng huyện nghèo giảm 4,7%/năm, ước đến hết năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh còn 28,54%.

Trong 10 tháng năm 2023: Tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động văn hóa, văn nghệ, khôi phục, tổ chức các lễ hội gắn với bản sắc văn hóa dân tộc, thu hút lượng lớn khách du lịch. Tỉnh đã đăng cai tổ chức thành công một số sự kiện lớn như: Giải Vô địch Quốc gia Marathon và cự ly dài báo Tiền Phong lần thứ 64, Ngày hội văn hóa các dân tộc có số dân dưới 10.000 người toàn quốc lần thứ I gắn với Tuần du lịch - văn hóa du lịch Lai Châu năm 2023. Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phòng chống dịch bệnh được quan tâm thực hiện; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 86,2%, tăng 3,2 điểm % so cùng kỳ năm 2022. Chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng lên, tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 99,83%, tăng 0,6 điểm% so với năm 2022. Đã giải quyết việc làm mới cho 8.241 lao động, đạt 97,6% kế hoạch, trong đó có 278 lao động đi làm việc ở nước ngoài, vượt 85,3% kế

hoạch năm; tổ chức đào tạo nghề lao động nông thôn cho 7.666 lao động, đạt 95,8% kế hoạch.

3. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh được tăng cường; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân; tổ chức luyện tập, diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, huyện sát thực tế, đạt kết quả cao. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với củng cố bảo đảm quốc phòng, an ninh. Chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả âm mưu, hoạt động chống phá và vô hiệu hóa kịp thời hoạt động tuyên truyền của các thế lực thù địch; chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững; kịp thời phát hiện, phối hợp xử lý hiệu quả các vấn đề phát sinh trên tuyến biên giới, góp phần duy trì khu vực biên giới hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển. Tình hình trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, các loại tội phạm, tệ nạn xã hội được kiểm soát, kiểm chế, đến nay 97,3% xã, phường, thị trấn, cơ quan đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

Các hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh thực hiện theo Đề án mở rộng đối ngoại, chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế giai đoạn 2021-2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế tiếp tục được mở rộng, phát triển đi vào chiều sâu; nhiều thỏa thuận, hợp tác trong lĩnh vực xây dựng đảng, hoạt động của cơ quan dân cử, phát triển nông nghiệp, xuất khẩu lao động... được ký kết và triển khai thực hiện hiệu quả, góp phần quan trọng vào sự phát triển của tỉnh

4. Công tác xây dựng đảng và hệ thống chính trị

a) Công tác xây dựng đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, học tập, tuyên truyền, triển khai thực hiện, sơ, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, đề án của Trung ương, của tỉnh đảm bảo tiến độ, chất lượng. Quan tâm thực hiện công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, thực chất việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Chỉ đạo biên soạn lịch sử đảng bộ các cấp, lịch sử truyền thống các ngành, trong đó có những công trình có giá trị lịch sử, giá trị nghiên cứu lớn như Bộ Văn kiện Đảng bộ tỉnh giai đoạn 1949-2020, cuốn Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh giai đoạn 1949-2020,... Thường xuyên theo dõi, nắm tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân, tích cực đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

b) Tập trung thực hiện toàn diện, hiệu quả các nhiệm vụ trong công tác tổ chức xây dựng Đảng

Kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai, cụ thể hóa, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, quy định, kết luận của Trung ương về công tác tổ chức xây dựng Đảng. Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế. Công tác cán bộ tiếp tục được thực hiện đồng bộ ở tất cả các khâu đảm bảo đúng nguyên tắc, thẩm quyền theo phân cấp quản lý, đổi mới theo quy trình dân chủ, công khai, minh bạch, chặt chẽ. Làm tốt công tác quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2025-2030 đáp ứng yêu cầu kiện toàn, bố trí, sắp xếp cán bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị. Công tác luân chuyển, điều động cán bộ được thực hiện thường xuyên, kịp thời bổ sung, tăng cường cán bộ cho những địa bàn còn khó khăn về cán bộ¹⁸. Đội ngũ cấp ủy các cấp được quan tâm củng cố, kiện toàn. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở; lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, làm tốt công tác phát triển đảng viên, thành lập tổ chức đảng¹⁹. Kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên hằng năm được thực hiện nghiêm túc; hằng năm bình quân trên 80% đảng bộ trực thuộc tỉnh, trên 90% tổ chức cơ sở đảng, trên 95% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

c) Công tác dân vận của hệ thống chính trị

Công tác dân vận của hệ thống chính trị được đẩy mạnh theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phong trào thi đua “Dân vận khéo”; phát huy vai trò công tác dân vận trong phát triển kinh tế - xã hội, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện biên giới. Các cấp ủy đảng, chính quyền đã triển khai thực hiện tốt việc tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, qua đó đã phát huy được sức mạnh nội lực của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

d) Công tác kiểm tra, giám sát và giữ gìn kỷ luật, kỷ cương của Đảng

Tỉnh ủy, cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT các cấp đã quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát. Chủ động xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm có trọng tâm, trọng điểm. Quan tâm kiểm tra dấu hiệu vi phạm, kịp thời xử lý hoặc chuyển cơ quan chức năng xử lý những tập thể, cá nhân vi phạm kỷ luật Đảng. Từ năm

¹⁸ Luân chuyển tinh về huyện 04 đ/c, ngành sang ngành 04 đ/c.

¹⁹ Sắp xếp tổ chức đảng đồng bộ với sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; thành lập chi bộ công an ở 100% xã; toàn tỉnh đã kết nạp được 2.840 đảng viên, tăng 26 tổ chức cơ sở đảng, 16 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở so với năm 2020; duy trì và giữ vững kết quả 100% thôn, bản, tổ dân phố có chi bộ.

đầu nhiệm kỳ đến nay cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT các cấp đã kiểm tra 3.151 tổ chức đảng, 3.922 đảng viên; giám sát 1.580 tổ chức đảng, 4.421 đảng viên; thi hành kỷ luật 02 tổ chức đảng, 565 đảng viên vi phạm. Công tác phối hợp giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử của Nhà nước được tăng cường. Triển khai thực hiện nghiêm túc các kết luận, các cuộc kiểm tra, giám sát theo chỉ đạo của cấp trên. Chất lượng công tác kiểm tra, giám sát tiếp tục được nâng lên, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng.

d) Công tác nội chính; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và cải cách tư pháp

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và triển khai đầy đủ, kịp thời, nghiêm túc chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, tiêu cực (PCTNTC) và cải cách tư; công tác thanh tra, kiểm soát việc kê khai tài sản thu nhập²⁰. Tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo PCTNTC và kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp tỉnh; các ban chỉ đạo ban hành văn bản quy định nội dung và cách thức thực hiện nhiệm vụ, thực hiện chế độ họp, chương trình công tác theo quy định²¹. Duy trì, thực hiện nghiêm túc công tác tiếp công dân; tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân²². Đưa 3 vụ án vào diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo; Ban Chỉ đạo PCTNTC tỉnh theo dõi, chỉ đạo đối với 6 vụ án, vụ việc. Các cơ quan tư pháp thực hiện tốt công tác phối hợp, bảo đảm các vụ án được điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, không để xảy ra oan sai, không bỏ lọt tội phạm²³...

e) Việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp

Lãnh đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 bảo đảm dân chủ, bình đẳng, đúng quy định của pháp luật²⁴; kịp thời kiện toàn các chức danh

²⁰ Qua thanh tra phát hiện sai phạm về kinh tế với tổng số tiền trên 11.050 triệu đồng; kiến nghị thu hồi nộp NSNN hơn 57.000 triệu đồng...Cơ quan UBKT tỉnh, Thanh tra tỉnh lựa chọn 86 người thuộc đối tượng phải kê khai hàng năm tại 26 cơ quan, đơn vị để xác minh theo quy định.

²¹ Ban Chỉ đạo ban hành Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ thành viên, chương trình công tác toàn khóa và hàng năm; kế hoạch và quy định về kiểm tra, giám sát. Từ khi thành lập đến nay, BCD PCTNTC họp 4 phiên; Thường trực BCD họp 4 phiên; thực hiện 2 cuộc kiểm tra, giám sát với 4 tổ chức đảng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác PCTNTC.

²² Người đứng đầu cấp ủy các cấp tiếp 245 cuộc/245 lượt. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp 3335 lượt/4305 lượt, trong đó có 32 đoàn đồng người/334 người. Cơ quan HCNN tiếp nhận 4292 đơn, trong đó đủ điều kiện xử lý 3923 đơn (100 đơn khiếu nại, 92 đơn tố cáo, 3842 đơn KNPA).

²³ Cơ quan công an đề nghị truy tố 2.379 vụ/3.248 bị can; VKSND 2 cấp truy tố: 2.323 vụ/3.173 bị can; TAND hai cấp đã xét xử 2.238 vụ/3.053 bị cáo

²⁴ Tỷ lệ cử tri đi bầu cử đạt 99,80%; không có đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu phải tổ chức bầu cử lại, bầu cử thêm, bị hủy kết quả bầu cử.

HĐND, UBND. Chất lượng hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh được nâng lên, tham gia xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, giám sát, khảo sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân hiệu quả, được cử tri và Nhân dân đánh giá cao²⁵. Hoạt động của HĐND các cấp tiếp tục được đổi mới theo hướng thực chất và hiệu quả, kịp thời cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của cấp ủy phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh²⁶. Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp có nhiều đổi mới, chủ động, sâu sát và quyết liệt hơn.

f) Việc đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp

MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở; tập trung tuyên truyền nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, các nghị quyết chuyên đề, đề án, kết luận của Tỉnh ủy khóa XIV; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội ngày càng được nâng lên. Tổ chức thành công Đại hội nhiệm kỳ Công đoàn, Hội Nông dân.

5. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu, chương trình trọng điểm, nhiệm vụ đột phá, trọng tâm của Nghị quyết

5.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ 4 nhóm chỉ tiêu chủ yếu, 11 chỉ tiêu cụ thể và 55 chỉ tiêu thành phần. Dự ước đến hết năm 2023 có 12 chỉ tiêu thành phần vượt, 10 chỉ tiêu thành phần đã đạt so với Nghị quyết đề ra, 27 chỉ tiêu có kết quả theo lộ trình và dự ước sẽ đạt vào cuối nhiệm kỳ; còn 06 chỉ tiêu đạt thấp và dự ước khó đạt²⁷ (Phụ lục 3).

5.2. Kết quả thực hiện các chương trình trọng điểm, nhiệm vụ đột phá

a) Chương trình phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung

²⁵ Chủ trì tổ chức lấy ý kiến tham gia 60 dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội; thực hiện 10 cuộc giám sát chuyên đề, 07 cuộc khảo sát; tổ chức cho các ĐBQH tiếp xúc cử tri tại 82 điểm với trên 8.000 lượt cử tri tham dự, trong đó có 03 cuộc tiếp xúc cử tri chuyên đề với cử tri ngành y tế, cử tri ngành giáo dục và cử tri là công nhân, lao động; tổng hợp 150 kiến nghị cử tri gửi Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh, huyện xem xét, giải quyết theo quy định; tiếp nhận, xử lý 128 đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh của công dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi đến Đoàn ĐBQH và cá nhân đại biểu Quốc hội.

²⁶ HĐND tỉnh tổ chức 19 kỳ họp (7 kỳ họp thường lệ, 12 kỳ họp chuyên đề); ban hành 171 nghị quyết (57 nghị quyết quy phạm pháp luật, 47 nghị quyết chuyên đề, 67 nghị quyết thường kỳ và công tác cán bộ).

²⁷ Cụ thể: Tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 3,91% (Nghị quyết 9-10%); GRDP bình quân đầu người đạt 47,5 triệu đồng (Nghị quyết 65 triệu đồng); giá trị gia tăng ngành nông nghiệp 4,5% (Nghị quyết 5%); thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 2.134 tỷ đồng (Nghị quyết 3.000 tỷ đồng); tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu -7,8% (Nghị quyết 11,5%/năm); tốc độ tăng xuất khẩu hàng hóa địa phương tăng bình quân -17% (Nghị quyết 10,0%/năm). Ngoài ra, chỉ tiêu nông thôn xã nông thôn mới, huyện đạt chuẩn nông thôn mới dự báo cũng rất khó khăn.

Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU, Đề án số 04-ĐA/TU để thực hiện Chương trình, đồng thời lãnh đạo hoàn thiện chính sách của tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung²⁸; thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết ở cấp tỉnh, cấp huyện; hỗ trợ trên 49 tỷ đồng để triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết và Đề án. Đến nay, sản xuất nông nghiệp phát triển theo định hướng, đã hình thành rõ một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, một số sản phẩm chủ lực của tỉnh²⁹. Việc áp dụng khoa học - công nghệ, các hình thức liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được tăng cường thực hiện. Công nghiệp chế biến nông, lâm sản từng bước phát triển, đã thu hút đầu tư mới 24 cơ sở chế biến, đóng gói sản phẩm nông nghiệp hàng hóa.

b) Chương trình phát triển rừng bền vững

Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU, các cơ chế, chính sách để triển khai thực hiện Chương trình³⁰. Tổng kinh phí đã được phân bổ thực hiện đề án là 176.515 triệu đồng. Triển khai xây dựng dự án “Điều tra xây dựng luận chứng khoa học làm cơ sở để thành lập khu bảo tồn thiên nhiên Mường Tè, tỉnh Lai Châu”; phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững đối với 7/7 Ban Quản lý rừng phòng hộ; triển khai thi công 42,76 km đường lâm nghiệp phục vụ phát triển hạ tầng vùng trồng quế; trồng mới 6.800 ha rừng, đạt 43,3% mục tiêu của đề án. Thu hút được một số nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp³¹. Ước hết năm 2023, tỷ lệ che phủ rừng đạt 52,3%.

c) Chương trình bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch

Ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU để thực hiện chương trình, đồng thời lãnh đạo chính quyền ban hành một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. Đến nay đã phân bổ hơn 110 tỷ đồng để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết³², hỗ trợ tổ chức 19 lớp truyền dạy văn hóa truyền thống; bảo tồn, phát huy 6 di sản văn hóa phi

²⁸ Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung. Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa bằng Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

²⁹ Trồng mới 3.994/4.000 ha mắc ca; phát triển được 3.859 ha/3.500 ha lúa hàng hóa tập trung; trồng mới chè 1.819 ha/2.400 ha; trên 1.636 ha cây ăn quả tập trung; phát triển 171 ha/200 ha hoa các loại; phát triển mới 4.488/4.389 thùng ong;... Duy trì vùng cây cao su gần 13.000 ha, vùng chè khoảng 9.811 ha, hình thành các vùng trồng cây mắc ca khoảng 7.363 ha, vùng sản xuất lúa chất lượng đạt 3.859 ha, vùng quế 11.876 ha; đang từng bước hình thành vùng trồng cây dược liệu tại Mường Tè, Sin Hồ,...

³⁰ HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 quy định chính sách về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh cụ thể hóa bằng Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 về việc phê duyệt Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

³¹ Cấp chủ trương mới cho 09 DA, tổng mức đầu tư khoảng 913 tỷ đồng với tổng diện tích khoảng 8200ha.

³² Trong đó: nguồn vốn sự nghiệp 73 tỷ đồng, nguồn vốn đầu tư 40 tỷ đồng.

vật thể quốc gia; khôi phục 2 lễ hội, duy trì tổ chức 41 lễ hội; khôi phục quy trình sản xuất nghề các dân tộc Mảng, Mông; 48 đội văn nghệ quần chúng tiêu biểu; quản lý, bảo tồn di tích lịch sử trên địa bàn³³; tốc độ tăng trưởng khách du lịch bình quân giai đoạn 2021-2023 đạt 33,2%/năm, vượt 13,2% mục tiêu Nghị quyết.

d) Chương trình nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã

Ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 15/3/2021 về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số cấp tỉnh, cấp huyện được quan tâm bổ sung, kiện toàn, chất lượng, năng lực lãnh đạo, quản lý được nâng lên; nhiều chỉ tiêu thành phần đã đạt và vượt Nghị quyết đề ra, đến nay 60% sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh có cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số; 8/8 huyện, thành phố trong thường trực cấp ủy, lãnh đạo HĐND, UBND có cán bộ là người dân tộc thiểu số; 15,86% trưởng, phó phòng thuộc các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh là người dân tộc thiểu số; 49,43% các phòng, ban, cơ quan cấp huyện có cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số³⁴. Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã cơ bản đảm bảo số lượng, chất lượng được nâng lên, cán bộ có trình độ chuyên môn đại học trở lên đạt 78,67%, trình độ lý luận chính trị cao cấp đạt 37,53%; 100% đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn chức danh.

đ) Xây dựng kết cấu hạ tầng

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo huy động, bố trí nguồn lực triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng, ưu tiên những công trình trọng tâm, trọng điểm, có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, đường nối thành phố Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai, hầm đường bộ Hoàng Liên, đường tỉnh 129 (Lai Châu - Sìn Hồ), đường tỉnh 133 (*Séo Lèng - Thân Thuộc*); đường tỉnh 130 (*San Thàng - Mường So*); đường hành lang, tuần tra biên giới, đường liên xã, hạ tầng cụm công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, nâng cấp hạ tầng các khu, điểm tái định cư, Hạ tầng

³³ Trên địa bàn tỉnh hiện có 32 di tích được xếp hạng (05 di tích cấp quốc gia; 27 di tích cấp tỉnh); 02 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh, công nhận như "Nghệ thuật Xoè Thái" và "Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam". Hiện đang xây dựng 03 bộ hồ sơ khoa học đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục danh sách văn hóa phi vật thể quốc gia; tổ chức phục dựng, tái hiện và hoàn thiện phim tư liệu về lễ hội, nghề thủ công, tri thức dân gian, phong tục tập quán, nghề thủ công truyền thống, nghệ thuật trình diễn dân gian của 04 dân tộc Thái, Mông, Dao, Hà Nhi; xây dựng bộ sưu tập hiện vật của 08 dân tộc Cống, Hà Nhi, La Hù, Si La, Lào, Giáy, Lự, Kháng;...

³⁴ Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số cấp tỉnh, cấp huyện có trình độ chuyên môn đại học trở lên đạt 99,75%, trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên, trình độ quản lý nhà nước chương trình chuyên viên trở lên đạt 100%, Trình độ sau đại học đạt 27,62%, trình độ lý luận chính trị cao cấp đạt 79,75%, trình độ quản lý nhà nước chương trình chuyên viên chính trở lên đạt 62,4%.

nông nghiệp, nông thôn; hệ thống các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu,... theo hướng đồng bộ, hiện đại, liên kết vùng, khu vực và quốc tế, tạo nền tảng bền vững cho sự phát triển của tỉnh. Tiếp tục phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông phục vụ thực hiện Chiến lược chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

e) Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Ban hành và triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 20/5/2021 về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cải cách thể chế, thủ tục hành chính; xây dựng chính quyền số, chính quyền điện tử,... Các chỉ số đánh giá cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện³⁵.

f) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Ban hành Kết luận số 209-KL/TU, ngày 6/8/2021 tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW (khóa XIII) về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách đãi ngộ đối với viên chức ngành y tế trên địa bàn tỉnh. Chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các lĩnh vực như nông nghiệp, công nghiệp, công nghệ thông tin, giáo dục, y tế³⁶. Chất lượng lao động có sự chuyển biến, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Chất lượng đội ngũ cán bộ, CCVC được nâng lên³⁷ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm nổi bật

Sau nửa nhiệm kỳ, các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết đã được triển khai đồng bộ, quyết liệt. Ước thực hiện đến hết năm 2023 có 1/11 nhóm chỉ tiêu chủ yếu, 22/55 chỉ tiêu thành phần đã đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết đề

³⁵ Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) tỉnh Lai Châu năm 2022 đạt 86,29 điểm, xếp vị trí thứ 24/63 tỉnh, thành phố, tăng 14 bậc so với năm 2020 (38/63); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) đạt 42,69 điểm, xếp vị trí thứ 27/63 tỉnh, thành phố và thuộc nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình cao của cả nước, tăng 28 bậc so với năm 2020 (55/63); Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) đạt 79,34%, xếp vị trí thứ 35/63 tỉnh, thành phố, tăng 01 hạng so với năm 2020.

³⁶ Kết quả: từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã cử 690 lượt cán bộ, CCVC đi đào tạo từ trình độ từ đại học trở lên (trong đó: Đại học 605 người; Sau Đại học 85 người). Đối với một số lĩnh vực quan trọng: nông nghiệp có 35 người (đại học 33; sau đại học 02); giáo dục có 211 người (đại học 187; sau đại học 24); y tế có 359 người (đại học 305, sau đại học 54). Ngoài ra còn cử 16.735 lượt cán bộ, CCVC tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu công tác, vị trí nhiệm vụ được đảm nhiệm.

³⁷ Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2023 ước đạt 58,3%. Đến nay, toàn tỉnh có 1.575 cán bộ, công chức và 9.653 viên chức có trình độ từ đại học trở lên (chiếm tỷ lệ lần lượt là 96,44% số cán bộ, công chức và 66,89% số viên chức toàn tỉnh); cán bộ, công chức cấp xã có 8.082 người (trong đó: cán bộ 1.141 người; công chức 941 người); tỷ lệ lao động qua đào tạo đến hết năm 2023 ước đạt 58,3%.

ra. Kết quả nổi bật trên các ngành, lĩnh vực:

(1) Cấp ủy các cấp đã tập trung quán triệt, học tập, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV bằng nhiều hình thức đổi mới, sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin, tạo sự chuyên biến rõ nét và thống nhất trong nhận thức và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Kịp thời cụ thể hóa và phân công cụ thể trách nhiệm, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện quyết liệt, kịp thời, nghiêm túc, có chất lượng các mục tiêu, nhiệm vụ đã xác định.

(2) Kinh tế tiếp tục tăng trưởng; sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, công nghiệp năng lượng đã phát huy hiệu quả rõ rệt; công nghiệp chế biến sản phẩm nông nghiệp đã dần hình thành. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp, hệ thống giao thông phát triển và hỗ trợ tốt cho sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân. Các chỉ số cải cách hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, thu hút đầu tư trên một số lĩnh vực tăng nhanh.

(3) Chất lượng giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được nâng lên. Công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 được thực hiện rất chủ động, quyết liệt, sáng tạo, hiệu quả đảm bảo an toàn tuyệt đối cho Nhân dân, góp phần nhanh chóng phục hồi sản xuất. Các chính sách xã hội được thực hiện kịp thời, đầy đủ, hiệu quả; hoạt động xuất khẩu lao động được triển khai tích cực. Các hoạt động văn hóa diễn ra sôi nổi, tổ chức thành công nhiều sự kiện thể thao, văn hóa, du lịch cấp quốc gia, khu vực; bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc được giữ gìn, khôi phục, bước đầu phục vụ tốt cho phát triển du lịch. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên.

(4) Quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững; An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế tiếp tục được mở rộng, phát triển đi vào chiều sâu.

(5) Công tác xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị được triển khai thực hiện đồng bộ. Tổ chức bộ máy cán bộ được sắp xếp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; công tác cán bộ được thực hiện đồng bộ ở tất cả các khâu, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên. Công tác dân vận, kiểm tra, giám sát, nội chính và phòng chống tham nhũng, tiêu cực được tăng cường; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Chất lượng, hiệu quả hoạt động của HĐND được nâng lên. UBND các cấp phát huy tốt vai trò quản lý, điều hành, chỉ đạo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

2. Khó khăn, hạn chế

(1) Lai Châu có địa hình bị chia cắt phức tạp, kết nối giao thông liên vùng, nhất là kết nối nhanh với các trung tâm kinh tế lớn của cả nước còn rất khó khăn và là “điểm nghẽn” lớn nhất đối với sự phát triển của tỉnh. Tỉnh nằm ở khu vực chịu ảnh hưởng bởi các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu nên hoạt động sản xuất và đời sống của người dân hằng năm thường bị ảnh hưởng bởi các đợt thiên tai, lũ quét sạt lở đất.

(2) Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa đáp ứng được yêu cầu, quy mô nền kinh tế nhỏ, chất lượng tăng trưởng chưa bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa vững chắc, một số chỉ tiêu dự ước khó đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội và kế hoạch năm 2023 như: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thu ngân sách trên địa bàn, tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu,...; sản xuất nông nghiệp phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; công nghiệp sản xuất, chế biến nông sản phát triển chậm; thu ngân sách trên địa bàn thấp, nguồn thu không vững chắc, cơ cấu nguồn thu chủ yếu từ thủy điện. Năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tư nhân còn hạn chế; cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh đa phần hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, có quy mô nhỏ, trình độ công nghệ chưa cao, vốn ít, khả năng cạnh tranh thấp, chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới.

Trong thời gian qua thị trường bất động sản trầm lắng dẫn đến nguồn thu sử dụng đất không đảm bảo kế hoạch, không có tiền đưa vào giải ngân ảnh hưởng rất lớn đến tỷ lệ giải ngân chung của tỉnh. Việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia còn nhiều khó khăn, vướng mắc:

- Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, 03 chương trình mục tiêu quốc gia, 10 tháng đầu năm 2023 thấp hơn bình quân chung của cả nước, để triển khai thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, Chính phủ và các bộ, ngành trung ương đã và đang ban hành rất nhiều văn bản tổ chức triển khai thực hiện³⁸, tuy nhiên việc ban hành các văn bản cơ chế, chính sách còn chậm, không đồng bộ (*vốn giao trước, cơ chế chính sách ban hành sau*), có văn bản hướng dẫn đến thời điểm giữa năm 2023 mới ban hành (*Bộ Thông tin và Truyền Thông; Bộ Y Tế;....*)³⁹. Trên cơ sở văn bản của Trung ương, tỉnh cũng

³⁸ Theo Báo cáo số 6947/BC-BKHĐT ngày 25/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Trung ương đã ban hành tổng cộng 109 văn bản, bao gồm 34 văn bản quy phạm pháp luật (*03 Nghị định của Chính phủ; 10 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 21 Thông tư cấp bộ*); 75 văn bản thông thường (*bao gồm Quyết định của Thủ tướng chính phủ, Thông tư của các Bộ*).

³⁹ Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06/6/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu

phải cụ thể hóa và ban hành rất nhiều văn bản tổ chức thực hiện (*hơn 80 văn bản*), trong một thời gian rất ngắn nên đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân.

- Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương hàng năm được giao chi tiết theo tiểu dự án, dự án thành phần và lĩnh vực chi. Do đó rất khó khăn trong việc điều chỉnh vốn giữa các tiểu dự án, dự án, lĩnh vực chi (*một số nội dung có nhu cầu thì nguồn lực không đảm bảo; một số nội dung không có nhu cầu hoặc không triển khai thực hiện được thì nguồn lực trung ương lại phân bổ lớn*); đến nay tính còn 213.962 triệu đồng vốn sự nghiệp kế hoạch năm 2023 của tiểu dự án 1 - dự án 3 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa phân bổ được (*do trung ương chưa có hướng dẫn cụ thể về nội dung chi hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cho các đối tượng đã được hưởng chính sách từ nguồn kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng*).

(3) Chất lượng công tác dân số, khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân có mặt còn hạn chế; tình trạng thiếu giáo viên, công chức, viên chức ở một số địa phương, cơ quan đơn vị chậm được khắc phục. Nguồn lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị các lĩnh vực văn hóa, xã hội còn thiếu, chưa đồng bộ. Tỷ lệ hộ nghèo còn cao, đời sống của một bộ phận đồng bào dân tộc nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới còn nhiều khó khăn. Trình độ dân trí không đồng đều; chất lượng lao động còn hạn chế so với mức bình quân của cả nước; đặc biệt số lượng lao động kỹ thuật bậc cao, tay nghề giỏi trong các ngành sản xuất còn rất khiêm tốn.

(4) Công tác nắm tình hình địa phương, cơ sở có nơi, có việc chưa kịp thời. Tình hình một số loại tội phạm diễn biến phức tạp, tội phạm về ma túy, tội phạm công nghệ cao có chiều hướng tăng. Việc mở rộng quan hệ đối ngoại còn hạn chế, hiệu quả chưa cao.

(5) Công tác quy hoạch, quản lý, sử dụng cán bộ ở một số địa phương chất lượng chưa cao, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ trong quy hoạch cán bộ một số nơi còn thấp; công tác kiện toàn cấp ủy cơ sở, lãnh đạo, quản lý có nơi còn chậm. Một số cấp ủy, UBKT nhất là ở cấp cơ sở thực hiện kiểm tra, giám sát còn thiếu trọng tâm, trọng điểm; công tác kiểm tra, giám sát chuyên đề đối với đảng viên của chi bộ, việc tự kiểm tra, tự phát hiện vi phạm trong nội bộ chưa nhiều. Công tác phòng, chống tham nhũng tại một số cơ quan, đơn vị hiệu quả chưa cao. Việc phát hiện, chuyển giao nguồn tin về tội phạm của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan kiểm tra, thanh tra các cấp cho cơ quan điều tra

còn thấp.

(6) Hiệu quả hoạt động của HĐND ở một số địa phương nhất là cấp cơ sở chưa toàn diện; công tác chỉ đạo, điều hành của UBND một số địa phương chưa chủ động, thiếu quyết liệt. Việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội ở một số nơi còn hạn chế.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

Tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, nhất là khủng hoảng kinh tế, chính trị; giá xăng dầu, hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng thiết yếu tăng cao. Thời tiết diễn biến bất thường, mưa đá, gió lốc, nắng nóng, hạn hán kéo dài; tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng kinh tế⁴⁰, thu ngân sách trên địa bàn. Nguồn lực của Trung ương, của tỉnh còn hạn chế. Một số cơ chế, chính sách, quy định của Trung ương chậm ban hành hướng dẫn thực hiện hoặc có sự thay đổi, tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân và việc thực hiện một số chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới. Trung Quốc áp dụng chính sách Zero-Covid, thường xuyên thay đổi chính sách biên mậu tác động đến xuất nhập khẩu hàng hóa qua cửa khẩu. Các thế lực thù địch tiếp tục gia tăng các hoạt động "Diễn biến hoà bình", kích động khiêu khích đông người, vượt cấp nhằm chống phá, chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc.

b) Nguyên nhân chủ quan

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa sâu sát, thiếu quyết liệt. Việc nghiên cứu, cụ thể hóa và triển khai thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh vào thực tiễn nhiệm vụ của ngành, địa phương chưa kịp thời; trách nhiệm phối hợp trong triển khai nhiệm vụ có lúc, có việc còn thiếu chặt chẽ. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức công vụ có nơi hiệu quả chưa cao. Năng lực, trình độ cán bộ làm công tác tham mưu ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương có mặt còn hạn chế, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chưa cao. Một số cán bộ, đảng viên, người đứng đầu cơ quan, đơn vị thiếu gương mẫu; ý thức trách nhiệm chưa cao. Công tác kiểm tra,

⁴⁰ Đại dịch Covid-19 bùng phát, kéo dài trên toàn thế giới, ảnh hưởng nặng nề đến mọi mặt đời sống, kinh tế - xã hội, đặc biệt là giai đoạn từ đầu năm 2021 đến tháng 10/2021 dịch covid - 19 bùng phát mạnh, buộc cả nước phải triển khai nhiều biện pháp hành chính "chưa từng có tiền lệ", thực hiện phong tỏa, cách ly, giãn cách xã hội, ưu tiên đảm bảo tính mạng, sức khỏe của người dân, ngăn chặn đà lây lan của dịch bệnh, tăng trưởng cả năm 2021 bị ảnh hưởng nặng nề, đạt thấp so với kế hoạch.

Năm 2023, do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino, nắng nóng, khô hạn kéo dài, lượng nước các hồ thủy điện xuống thấp, có thời điểm về dưới mực nước chết, một số nhà máy thủy điện lớn như Lai Châu, Bản Chát phải hoạt động cầm chừng hoặc tạm dừng hoạt động ảnh hưởng lớn đến nhiều hoạt động sản xuất công nghiệp, sản lượng điện giảm mạnh dẫn đến giá trị sản xuất công nghiệp giảm 16,6% so với cùng kỳ, dẫn đến tổng sản phẩm (GRDP) năm 2023 giảm so với năm 2022 (tăng trưởng âm).

giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chính trị có nơi chưa thường xuyên, thiếu quyết liệt, việc tự kiểm tra, phát hiện vi phạm còn hạn chế.

4. Một số kinh nghiệm

- *Một là*, phải thực sự coi trọng công tác xây dựng Đảng, tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên, nêu cao vai trò gương mẫu của người đứng đầu; bám sát quy chế làm việc, phát huy dân chủ trí tuệ tập thể, đồng thời khơi dậy tính năng động, sáng tạo của mỗi cá nhân trong lãnh đạo, điều hành, xác định những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, những việc mới, việc lớn, việc khó trong từng thời điểm để tập trung thực hiện. Phát huy tinh thần đoàn kết, đồng thuận, thống nhất cao trong cả hệ thống chính trị và Nhân dân, vai trò của người đứng đầu, sự năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ.

- *Hai là*, đổi mới nội dung, hình thức, cách thức quán triệt, học tập, tuyên truyền nghị quyết, bảo đảm thường xuyên, liên tục. Nội dung, tài liệu phải được biên tập, biên soạn ngắn gọn, dễ nhớ; hình thức, cách thức quán triệt phải linh hoạt phù hợp với đối tượng.

- *Ba là*, phải kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết Đại hội thành chương trình, kế hoạch và các nghị quyết chuyên đề, đề án, kết luận phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, vừa đảm bảo triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện Nghị quyết, vừa lựa chọn những nội dung trọng tâm, cốt lõi, những điểm nghẽn để tập trung nguồn lực thực hiện.

- *Bốn là*, Quan tâm đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhất là các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; kết hợp chặt chẽ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động; gắn đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức với vị trí việc làm và chính sách đãi ngộ phù hợp.

- *Năm là*, phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, nhất là ở các địa bàn trọng điểm; xây dựng, củng cố thế trận phòng thủ vững chắc ở các tuyến biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Thực hiện tốt công tác đối ngoại, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển.

C- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025, Tỉnh ủy Lai Châu xác định một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện trong thời gian tới như sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế toàn diện, nhanh và bền vững

- Rà soát tình hình thực hiện từng chỉ tiêu, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp

phù hợp, phấn đấu đạt mức cao nhất các chỉ tiêu. Sớm cụ thể hóa, triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trọng tâm là:

Hình thành và phát triển **Trục kinh tế động lực** dọc theo QL.32 - QL.4D - QL.12 nối đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai qua QL.279, kết nối huyện Than Uyên - huyện Tân Uyên - huyện Tam Đường - Thành phố Lai Châu - huyện Phong Thổ ra cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng. Phát triển hai vùng kinh tế: **(1) Vùng kinh tế động lực** (Gồm các huyện, thành phố: Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, TP. Lai Châu, Phong Thổ); Tập trung phát triển du lịch sinh thái, mạo hiểm, văn hóa cộng đồng; sản xuất điện, vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông sản, chế biến khoáng sản; phát triển đô thị, kinh tế biên mậu **(2) Vùng kinh tế nông - lâm sinh thái Sông Đà** (Gồm các huyện biên giới: Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè): Bảo vệ phát triển rừng, trồng quế, mắc ca, cây gỗ lớn, phát triển dược liệu dưới tán rừng (sâm Lai Châu), dịch vụ môi trường rừng. Phát triển Ba trụ cột kinh tế: **Dịch vụ:** Tập trung phát triển du lịch và kinh tế biên mậu; **Công nghiệp:** Tập trung phát triển công nghiệp năng lượng; khai thác và chế biến khoáng sản, chế biến nông, lâm thủy sản; **Nông nghiệp:** tập trung phát triển nông nghiệp đa giá trị, nông nghiệp hữu cơ gắn với chuỗi giá trị, dựa vào các sản phẩm nông, lâm sản có lợi thế, có giá trị gia tăng cao. Thực hiện hiệu quả **bốn khâu đột phá chiến lược:** Về kết cấu hạ tầng; hoàn thiện thể chế; phát triển nguồn nhân lực; khoa học công nghệ

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện quyết liệt công tác thu ngân sách trên địa bàn đảm bảo nguyên tắc thu đúng, thu đủ và thu kịp thời. Tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, gian lận thương mại, trốn lậu thuế. Khẩn trương hoàn thành việc đấu giá quyền sử dụng đất, tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, các Chương trình MTQG; giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc đối với từng dự án, nhất là về các thủ tục đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, nhất là các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích các doanh nghiệp liên kết sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật trong chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục phát triển các cây trồng chủ lực của tỉnh như: Lúa chất lượng cao, trồng rừng, mắc ca, trồng chè, trồng cây ăn quả, cây dược liệu quý,... Khuyến khích hình thành vùng chăn nuôi tập trung; điều chỉnh cơ cấu giống vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi chủ lực phù hợp theo từng vùng. Tập trung huy động nguồn lực để xây dựng các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới,

ưu tiên các xã, các huyện dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch.

- Chủ động nắm tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp. Đồng hành cùng nhà đầu tư để đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án thủy điện, sớm hoàn thành dự án đưa vào vận hành khai thác. Quan tâm thu hút, hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp; thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI).

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu. Phối hợp với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) sớm nâng cấp cặp cửa khẩu Ma Lù Thàng - Kim Thủy Hà lên cửa khẩu quốc tế; nâng cấp cửa khẩu U Ma Tu Khoàng - Bình Hà lên cửa khẩu song phương; mở mới cửa khẩu tại khu vực mốc 17 và tại các cặp chợ ở nơi có điều kiện để thúc đẩy xuất nhập khẩu hàng hóa. Tiếp tục tăng cường các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Tập trung phát triển các quần thể du lịch lớn tạo điểm nhấn, có sức lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội.

- Quan tâm phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó tập trung vào một số dự án lớn có tính chất lan tỏa. Phối hợp Bộ GTVT đẩy nhanh tiến độ xây dựng đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai về thành phố Lai Châu; triển khai thực hiện dự án Hàm đường bộ qua đèo Hoàng Liên; hội đàm với phía Trung Quốc sớm xác định vị trí và triển khai các bước tiếp theo xây dựng cầu đa năng tại cửa khẩu Ma Lù Thàng; tiếp tục đẩy mạnh kêu gọi thu hút đầu tư xây dựng cảng hàng không Lai Châu. Thúc đẩy đầu tư hạ tầng lưới điện quốc gia đến các thôn bản.

2. Tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân

Chú trọng phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội. Nâng cao chất lượng giáo dục, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới; tập trung khắc phục tình trạng thiếu giáo viên; nghiên cứu thí điểm tổ chức dạy tiếng Trung cho học sinh khu vực biên giới. Tiếp tục thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh; nâng cao hiệu quả hoạt động khám chữa bệnh, nhất là tuyến y tế cơ sở. Tập trung bảo tồn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; xoá bỏ hủ tục, phong tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội. Tiếp tục mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, nhất là nhân lực chất lượng cao gắn với nhu cầu thị trường; quan tâm giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững.

3. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền

biên giới quốc gia, mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng; theo dõi sát tình hình biên giới, kịp thời giải quyết các vấn đề có liên quan đến biên giới, lãnh thổ quốc gia trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt phong trào "toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"; đấu tranh trấn áp các loại tội phạm. Nắm chắc tình hình, chủ động, kịp thời giải quyết tốt các vấn đề phát sinh liên quan đến biên giới, dân tộc, tôn giáo, an ninh, trật tự, tránh phát sinh thành điểm nóng. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các biên bản, thỏa thuận hợp tác đã ký kết với các địa phương nước ngoài. Duy trì và phát triển có chiều sâu quan hệ đối ngoại, mở rộng quan hệ hợp tác với các đại sứ quán, tổ chức quốc tế, các địa phương nước ngoài phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

4. Tăng cường xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quán triệt, học tập, tuyên truyền, cụ thể hóa và triển khai nghị quyết của Đảng. Chủ động nắm chắc tình hình tư tưởng, dư luận xã hội trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, chú trọng các địa bàn đặc biệt khó khăn, phức tạp về an ninh trật tự; kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

- Tiếp tục sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ; quan tâm tạo nguồn cán bộ, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Chuẩn bị tốt nhân sự cho cấp ủy khóa mới, nhân sự bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND và các chức danh lãnh đạo chính quyền nhiệm kỳ 2026-2031. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Làm tốt công tác kết nạp đảng viên, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, trong học sinh, sinh viên. Chủ động nắm tình hình chính trị nội bộ; rà soát, thẩm định, thẩm tra, xác minh và kết luận tiêu chuẩn chính trị cán bộ, đảng viên chặt chẽ, đúng quy định.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác dân vận của hệ thống chính trị. Chú trọng công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đồng bào có sinh hoạt tôn giáo, thực hiện tốt Luật Dân chủ ở cơ sở. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của chính quyền, các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang và trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức.

- Cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện toàn diện công tác kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ

Đảng. Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên gắn với trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cấp ủy viên các cấp, cán bộ diện cấp ủy quản lý. Xác định những lĩnh vực, địa bàn trọng tâm, trọng điểm để tập trung kiểm tra, giám sát; chú trọng việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức hoạt động của Đảng, quy chế làm việc, công tác cán bộ và các khâu, lĩnh vực, địa bàn, hoạt động dễ xảy ra sai phạm, tiêu cực. Tăng cường kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm theo thẩm quyền, đồng bộ với kỷ luật hành chính, đoàn thể.

- Thực hiện tốt công tác nắm, dự báo tình hình; tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan điều tra, truy tố, xét, thi thành án, các tổ chức hỗ trợ tư pháp đáp ứng yêu cầu CCTP trong tình hình mới. Tăng cường và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân. Tiếp nhận, xử lý đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh kịp thời, đúng quy định. Kịp thời giải quyết những vướng mắc, kiến nghị của người dân ngay từ cơ sở, hạn chế việc người dân khiếu kiện vượt cấp, đông người. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo PCTN, TC, Ban chỉ đạo CCTP tỉnh.

5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

- Tiếp tục phát huy vai trò cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương. Tổ chức thực hiện các hoạt động của Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND các cấp đồng bộ, toàn diện, hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Tập trung cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp; gắn cải cách bộ máy hành chính với cải cách chế độ công vụ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- MTTQ và các đoàn thể các cấp thực hiện tốt vai trò đại diện, chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân, nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội.

D- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I- VỀ TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ

1. Trong thời gian qua Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương đã rất quan tâm, quyết liệt trong việc rà soát, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc về thể chế, chính sách. Đề nghị tiếp tục quan tâm, đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, sửa đổi các quy định còn bất cập, vướng mắc trong thực hiện để tháo gỡ khó khăn,

vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội. Trọng tâm là sửa đổi, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các Luật: Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư công, Luật Lâm nghiệp và các văn bản quy định chi tiết về việc trình HĐND cấp tỉnh thông qua danh mục dự án đầu tư công, danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng, theo hướng giảm bớt thủ tục, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án. UBND tỉnh đã có Báo cáo số 326/BC-UBND ngày 17/8/2023 về kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV; đề nghị Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương tiếp tục quan tâm chỉ đạo giải quyết.

2. Đề nghị sửa đổi một số quy định cụ thể để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc đối với các hoạt động phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh

- Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 Luật Khoáng sản, phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện) là khu vực cấm hoạt động khoáng sản nên không thể cấp phép khai thác cát, sỏi tại khu vực lòng hồ thủy điện nên dẫn đến khan hiếm nguồn cát xây dựng. Trong khi Luật Thủy lợi không cấm việc khai thác khoáng sản tại khu vực lòng hồ thủy điện mà tại điểm c khoản 1 Điều 44 quy định khi khai thác khoáng sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải có Giấy phép hoạt động. Tỉnh Lai Châu kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 28 Luật Khoáng sản để cấp phép khai thác cát, sỏi tại khu vực lòng hồ thủy điện.

- Tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước có quy định “*Bộ Công Thương cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép đối với các hoạt động phải có giấy phép trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt, trừ hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều này*”, quy định như trên là khó thực hiện đối với hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, nuôi trồng thủy sản. UBND tỉnh đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo sửa đổi Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP theo hướng phân cấp UBND cấp tỉnh cấp giấy phép hoạt động khai thác khoáng sản, nuôi trồng thủy sản trong phạm vi đập, hồ chứa nước thủy điện quan trọng đặc biệt.

- Về Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản:

Theo tài liệu bàn giao của Cục địa chất và Khoáng sản Việt Nam năm

2005, trên địa bàn tỉnh Lai Châu hiện có khoảng 21 điểm nước khoáng nóng phân bố ở các địa bàn; theo quy định tại Điều 82 Luật Khoáng sản thăm quyền cấp phép khai thác nước khoáng nóng thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường; quy định như vậy chỉ phù hợp với khai thác công nghiệp nước nóng có quy mô, công suất lớn; trên địa bàn tỉnh Lai Châu chủ yếu khai thác nước khoáng nóng quy mô, công suất nhỏ cho phát triển du lịch, nghỉ dưỡng, xây dựng nông thôn mới. UBND tỉnh đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo sửa đổi, bổ sung Nghị định số 158/2016/NĐ-CP theo hướng phân cấp cho UBND cấp tỉnh quản lý, cấp phép khai thác nước nóng quy mô nhỏ phục vụ cho phát triển du lịch, nghỉ dưỡng, xây dựng nông thôn mới.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp: “*Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác,....*”; trong khi đó tại khoản 3, Điều 20 Luật Lâm nghiệp quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới, rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển dưới 20 ha; rừng sản xuất dưới 50 ha; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư*”. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét sửa đổi khoản 3, Điều 20 Luật Lâm nghiệp theo hướng: *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác với quy mô: dưới 20 ha rừng tự nhiên phòng hộ; dưới 50 ha rừng tự nhiên sản xuất.*

- Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp: Quy định ban hành từ năm 2016 nhiều nội dung không còn phù hợp với thực tế, mức hỗ trợ quá thấp. Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo rà soát, sửa đổi theo hướng nâng mức chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển rừng cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, khuyến khích doanh nghiệp và người dân tham gia phát triển rừng bền vững.

II- VỀ VIỆC TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KTXH, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG AN NINH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Về liên kết phát triển

Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong dự thảo Quy hoạch Vùng trung du miền núi phía Bắc xác định phát triển các tuyến hành lang kinh tế gắn với Thành phố Hà Nội và vùng Đồng bằng sông

Hồng⁴¹. Tuy nhiên do vị trí địa lý và điều kiện giao thông khó khăn nên tỉnh Lai Châu không nằm trong các hành lang kinh tế được định hướng phát triển.

Để tạo điều kiện phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển đặc biệt là kinh tế biên mậu (*cửa khẩu quốc tế Ma Lò Thảng*) và phát triển du lịch (*tỉnh nằm giữa các khu du lịch lớn như Sa Pa, Điện Biên Phủ, Mộc Châu, Mù Cang Chải... có tiềm năng lớn để phát triển du lịch sinh thái, thể thao mạo hiểm, du lịch cộng đồng*). Kính đề nghị Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương quan tâm nghiên cứu có các chương trình, đề án để phát triển “kết nối ngang” giữa Lai Châu và các tỉnh trong khu vực với các hàng lang kinh tế gắn với Thành phố Hà Nội và vùng Đồng bằng sông Hồng; trước mắt quan tâm tạo điều kiện để Lai Châu phát huy lợi thế kinh tế cửa khẩu và khu du lịch cao nguyên Sìn Hồ.

Huyện Sìn Hồ với diện tích 1.522,4 km², dân số trung bình khoảng 58.000 người, với 10 dân tộc cùng sinh sống (Thái, Mông, Dao, Kinh, Lự, Khơ Mú, Kháng...). Trong đó Vùng Cao nguyên Sìn Hồ có diện tích khoảng 577,3 km²; độ cao trung bình 1.500 m, có khí hậu mát mẻ quanh năm tương tự như Sapa, nhiệt độ trung bình năm 17,7°; có nhiều thắng cảnh đẹp, thiên nhiên hùng vĩ; điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng rất thích hợp để phát triển du lịch đặc biệt là du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, điều dưỡng; du lịch văn hóa cộng đồng; phát triển cây dược liệu quý như (*Sâm Lai Châu, xuyên khung, đương quy, đỗ trọng...*), các loại rau vụ đông (*cải làn, cải ngồng, su su, cải bắp,..*); cây ăn quả ôn đới (*lê, mận, đào...*). Hiện nay cao nguyên Sìn Hồ được kết nối với Thành phố Lai Châu qua đường tỉnh 129, kết nối với Điện Biên qua đường tỉnh 128, quốc lộ 12, kết nối với huyện các Than Uyên, Tân Uyên, Mù Cang Chải Yên Bái qua đường tỉnh 133, quốc lộ 32. Tuy nhiên do nguồn vốn đầu tư ngân sách nhà nước còn hạn hẹp nên việc đầu tư kết cấu hạ tầng khu vực cao nguyên Sìn Hồ còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

Để phát huy được tiềm năng, thế mạnh của cao nguyên Sìn Hồ tỉnh Lai Châu kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm xem xét: Giới thiệu các nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước đến tìm hiểu và nghiên cứu đầu tư các dự án đầu tư từng bước xây dựng cao nguyên Sìn Hồ trở thành khu du lịch cấp quốc gia, kết nối với các khu du lịch lớn Sa Pa; Điện Biên.

2. Về phát triển kinh tế cửa khẩu

Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương tiếp tục trao đổi với các cơ quan chức

⁴¹ Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn - Cao Bằng; Hà Nội - Hoà Bình - Sơn La - Điện Biên; Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn; Hà Nội - Tuyên Quang - Hà Giang; Phú Thọ - Vĩnh Phúc - Hà Nội - Hưng Yên - Hải Dương - Hải Phòng; Hà Nội - Phú Thọ - Tuyên Quang - Bắc Kạn - Cao Bằng

năng phía Trung Quốc: Sớm hoàn thành các thủ tục nội bộ và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để nâng cấp cặp cửa khẩu Ma Lù Thàng (Việt Nam) - Kim Thủy Hà (Trung Quốc) lên cửa khẩu quốc tế theo Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 07/5/2020 của Chính phủ.

3. Về khắc phục hậu quả thiên tai năm 2023

Lai Châu nằm ở khu vực chịu ảnh hưởng bởi các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu nên hoạt động sản xuất và đời sống của người dân hằng năm thường bị ảnh hưởng bởi các đợt thiên tai, lũ quét sạt lở đất. Từ đầu năm 2023 đến nay trên địa bàn tỉnh xảy ra nhiều đợt thiên tai, tỉnh đã có các báo cáo gửi Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng chống thiên tai và các Bộ, ngành Trung ương về tình hình thiệt hại và đề nghị kinh phí khắc phục (*Báo cáo số 351/BC-UBND ngày 31/8/2023; văn bản số 4057/UBND-KTN ngày 24/10/2023*). Trong bối cảnh tình còn khó khăn về ngân sách, tăng trưởng kinh tế năm 2023 dự kiến âm và để khắc phục hậu quả thiên tai, thực hiện di chuyển khẩn cấp dân cư ra khỏi vùng thiên tai, xây dựng một số tuyến kè bảo vệ dân cư, đất nông nghiệp, Tỉnh Lai Châu kính đề nghị Chính phủ chỉ đạo Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, sớm hỗ trợ cho tỉnh Lai Châu.

4. Về kế hoạch vốn ngân sách địa phương

Lai Châu là tỉnh không tự cân đối được ngân sách, vốn ngân sách địa phương nguồn xây dựng cơ bản tập trung trong nước phụ thuộc vào trung ương giao dự toán, trong những năm qua việc giao kế hoạch nguồn vốn này thấp và không đáp ứng đủ nhu cầu của tỉnh. Tổng kế hoạch trung hạn NSDP giai đoạn 2021-2025 là 3.436,4 tỷ đồng, trong đó đã giao giai đoạn 2021-2023 mới đáp ứng 52,8% kế hoạch trung hạn. Số dự kiến kế hoạch vốn năm 2024 được thông báo thấp, mới chỉ đáp ứng 40,1% kế hoạch trung hạn còn lại giai đoạn 2024-2025. Để việc triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương đúng tiến độ, kính đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm xem xét giao tăng dự toán nguồn xây dựng cơ bản tập trung trong nước năm 2024 đáp ứng đủ nhu cầu của tỉnh.

5. Về vốn ODA

Để từng bước tăng cường kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã hoàn thiện đề xuất *dự án đường địa phương (LRAMP-FO) - tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay của Ngân hàng thế giới (WB)* với tổng mức đầu tư 1.956 tỷ đồng. Kính đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm xem xét, phê duyệt đề xuất dự án theo đề nghị của tỉnh tại các công văn

số 1583/UBND-TH ngày 04/5/2023; công văn số 3295/UBND-TH ngày 30/8/2023.

6. Về ổn định đời sống nhân dân vùng tái định cư các công trình thủy điện

Trong những năm qua, tỉnh Lai Châu đã thực hiện công tác di dân, tái định cư các dự án thủy điện lớn trên địa bàn (Thủy điện Sơn La, Lai Châu, Huổi Quảng, Bản Chát), đến nay hạ tầng các cơ sở tái định cư đã được đầu tư nhiều năm đã xuống cấp, thiếu quỹ đất để sản xuất, dẫn đến đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Việc hỗ trợ, ổn định đời sống nhân dân sau tái định cư là rất cần thiết, đến nay tỉnh Lai Châu mới được hỗ trợ đầu tư hạ tầng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, còn lại vùng tái định cư các thủy điện lớn khác như Lai Châu, Huổi Quảng, Bản Chát chưa có chính sách hỗ trợ. Đề nghị Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương quan tâm xem xét:

- Tiếp tục ban hành chính sách hỗ trợ đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các thủy điện Lai Châu, Huổi Quảng, Bản Chát.

- Nghiên cứu, thành lập Quỹ hỗ trợ đầu tư tái định cư (Quỹ tái định cư) để hỗ trợ đời sống, sản xuất cho người dân vùng tái định cư và duy tu, bảo dưỡng một số công trình giao cho cộng đồng quản lý.

7. Về Chương trình phát triển Sâm Việt Nam

Ngày 01/6/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 611/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình phát triển Sâm Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045; trong đó tỉnh Lai Châu được giao nhiệm vụ phát triển vùng nguyên liệu sâm tập trung với quy mô 3.000 ha; để đạt được mục tiêu Chương trình phát triển Sâm Việt Nam, *kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm, bố trí nguồn lực và có chính sách đặc thù để đầu tư phát triển hạ tầng vùng trồng Sâm, cơ sở sản xuất giống Sâm và sớm phê duyệt Đề án thí điểm cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển dược liệu (Hiện nay các tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ).*

8. Về giao thông kết nối liên vùng

a) Hiện nay tuyến cao tốc Cao tốc Bảo Hà (Lào Cai) - Lai Châu (CT.13) đã được đưa vào Quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050, dự kiến đầu tư sau năm 2030. Tuy nhiên Lai Châu có địa hình bị chia cắt phức tạp, kết nối giao thông liên vùng, kết nối nhanh về thủ đô Hà Nội và các tâm kinh tế lớn của cả nước còn rất khó khăn và là “điểm nghẽn” lớn nhất đối với sự phát triển của tỉnh. Kính đề nghị

Thủ tướng Chính phủ và các bộ ngành trung ương quan tâm xem xét cho chủ trương nghiên cứu, đầu tư tuyến cao tốc nói trên sớm hơn thời gian dự kiến trong quy hoạch để tạo điều kiện cho tỉnh phát triển.

b) Đề nghị xem xét đầu tư hầm đường bộ qua Đèo Khau Co

Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc (tuyến nối thành phố Lai Châu với cao tốc Nội Bài – Lào Cai) có vai trò đặc biệt quan trọng đối với tỉnh Lai Châu trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh. Trong quá trình lập dự án đã tính toán đến phương án thi công hầm Khau Co, tuy nhiên do không đảm bảo cân đối được nguồn vốn nên trong giai đoạn 2021-2025 dự án chưa thực hiện được. Đoạn qua Đèo Khau có chiều dài khoảng 13 km chỉ thăm lại mặt đường, cơ bản giữ nguyên theo hiện trạng tuyến cũ (cấp Vmn), không đồng bộ với các đoạn khác (cấp IIImn) và đây là điểm nghẽn về giao thông.

Việc đầu tư dự án Hầm đường bộ qua đèo Khau Co với chiều dài dự kiến khoảng 5,3km (gồm cả cầu và hầm, trong đó chiều dài hầm khoảng 2,3 km) sẽ thay thế được khoảng 13 km đường đèo có dốc dọc lớn (>10%), tránh được hơn 40 khúc cua quanh co, nguy hiểm, giảm được cao độ qua đèo hơn 600m, tránh được vào mùa đông có nhiều sương mù gây khó khăn và nguy hiểm cho các phương tiện tham gia giao thông, đồng thời, rút ngắn thời gian đi lại, giảm chi phí vận chuyển, phát triển dịch vụ logistics, kinh tế biên mậu, thu hút khách du lịch đến với Lai Châu. Tỉnh Lai Châu kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ quan tâm xem xét, bố trí vốn ngân sách trung ương để triển khai thực hiện dự án.

c) Đề nghị xem xét đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ thành phố Lai Châu đến cửa khẩu Ma Lù Thàng (theo hướng QL4D và QL12)

Việc đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến nối từ Thành phố Lai Châu đi cửa khẩu Ma Lù Thàng từ đường cấp IVmn lên đường cấp IIImn với tổng chiều dài 56Km sẽ đồng bộ, kết nối với đường giao thông nối từ đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai về TP Lai Châu do Bộ Giao thông vận tải đang thực hiện, sẽ tạo đột phá về hạ tầng giao thông huyết mạch, kết nối thuận tiện giữa thành phố Lai Châu, huyện Phong Thổ với cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng; giảm chi phí, thời gian đi lại và tránh ùn tắc cho các phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu trong và ngoài tỉnh đến cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi trong công tác đối ngoại, giao thương, phát triển dịch vụ logistics của tỉnh Lai Châu nói riêng và một số tỉnh Tây Bắc nói chung với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), thu hút khách du lịch đến Việt Nam thông qua cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng.

d) Về Dự án Cảng hàng không Lai Châu

Dự án được xác định là động lực quan trọng, có vai trò rất lớn trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lai Châu; góp phần đảm bảo quốc phòng an ninh trong công tác tuần tra, kiểm soát các vùng biên giới; phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn. Tỉnh Lai Châu đã chủ động ưu tiên nguồn lực địa phương thực hiện công tác quy hoạch sử dụng đất và giải phóng mặt bằng để thu hút các nhà đầu tư quan tâm đầu tư xây dựng Cảng hàng không Lai Châu. Để sớm triển khai dự án đề nghị Bộ Giao thông vận tải quan tâm, sớm tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tỉnh Lai Châu có cơ sở báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét giao UBND tỉnh Lai Châu là cơ quan có thẩm quyền thực hiện triển khai các bước tiếp theo khi có đủ điều kiện theo quy định.

9. Về đầu tư hạ tầng phục vụ mục tiêu bố trí dân cư, bảo vệ biên giới

Tỉnh Lai Châu có 265,165 km đường biên giới với Trung Quốc. Hệ thống đường tuần tra biên giới trên địa bàn tỉnh tuy đã được đầu tư, song một số đoạn hiện nay đã xuống cấp ảnh hưởng đến công tác tuần tra, bảo vệ biên giới và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới thuộc địa bàn tỉnh, nhiều đoạn cần sửa chữa, được đầu tư xây dựng mới.

Việc bố trí dân cư ở khu vực biên giới tuy đã có chính sách theo Quyết định 590/QĐ-TTg ngày 18/05/2022. Tuy nhiên, hiện nay các địa phương chưa được Trung ương bố trí vốn để triển khai thực hiện.

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ quan tâm chỉ đạo bố trí kinh phí đầu tư làm đường tuần tra biên giới, đường giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo vệ chủ quyền biên giới Quốc gia, củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại trên các địa bàn thuộc khu vực biên giới; quan tâm bố trí kinh phí thực thi chính sách bố trí dân cư ở khu vực biên giới để Nhân dân bám bản phục vụ thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh quốc gia.

10. Về khoáng sản

Theo Quy hoạch thăm dò, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2015, có xét đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh có 169 mỏ, điểm mỏ khoáng sản gồm 5 nhóm: 04 điểm mỏ than, 102 mỏ khoáng sản kim loại, 14 mỏ khoáng chất công nghiệp, 21 mỏ nước khoáng, 16 mỏ vật liệu xây dựng và còn lại là các mỏ vật liệu xây dựng thông thường.

Tỉnh Lai Châu đã chỉ đạo sát sao việc chấp hành các quy định pháp luật về hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh; đã ban hành quy định quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu; xây dựng

Kế hoạch triển khai Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 01/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 866/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Về đất hiếm: Lai Châu là tỉnh có tiềm năng đất hiếm, đã ghi nhận 4 khu mỏ đất hiếm, hiện nay mới có 02 mỏ được thăm dò, đánh giá trữ lượng là mỏ đất hiếm Đông Pao và mỏ đất hiếm Bắc Nậm Xe, trong đó mới cấp phép khai thác, chế biến 01 mỏ đất hiếm Đông Pao.

Tỉnh Lai Châu đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm bố trí nguồn lực để điều tra, thăm dò khoáng sản tại các khu vực chưa được đánh giá, phê duyệt trữ lượng làm cơ sở để tỉnh quản lý và thu hút các nhà đầu tư có năng lực, công nghệ khai thác, chế biến sâu vào đầu tư góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển.

Tỉnh Lai Châu báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương xem xét, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Lưu VPTU.

T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ



Vũ Mạnh Hà



PHỤ LỤC I
KẾT QUẢ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU, QUẢN TRIỆT, HỌC TẬP NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIV, NHIỆM KỲ 2020 - 2025

TT	Đảng bộ	Tổng số hội nghị	Số lượt người được học tập, quán triệt, tuyên truyền	Trong đó						
				Đảng viên			Công chức, viên chức chưa là đảng viên			Quản chúng nhân dân
				Tổng số	Số được học tập, quán triệt	Đạt tỷ lệ %	Tổng số	Số được học tập, quán triệt	Đạt tỷ lệ %	
1.	Hội nghị CB chủ chốt cấp tỉnh	1	450							
2.	Huyện Than Uyên	297	22.183	3.227	3.063	94,92	1.095	1.056	96,44	18.064
3.	Huyện Tam Đường	44	15.075	2.621	2.380	90,81	875	848	96,91	11.847
4.	Huyện Mường Tè	217	12.916	3.758	3.652	97,18	986	945	95,84	8.319
5.	Huyện Sìn Hồ	455	31.357	3.952	3.641	92,13	579	561	96,89	27.155
6.	Thành phố Lai Châu	122	15.322	3.033	2.793	92,09	637	623	97,80	11.906
7.	Huyện Tân Uyên	4	29.384	2.691	2.590	96,25	957	923	96,45	25.871
8.	Huyện Phong Thổ	285	31.908	3.294	3.067	93,11	1.020	974	95,49	27.867
9.	Huyện Nậm Nhùn	158	8.205	1.818	1.641	90,26	460	416	90,43	6.148
10.	Công an tỉnh	28	840	732	732	100,00	108	108	100,00	0
11.	Đảng bộ BDBP tỉnh	28	884	622	616	99,04	269	268	99,63	0
12.	Khối các CQ-DN	144	5.013	3.265	3.205	98,16	1.898	1.808	95,26	0
13.	Đảng bộ Quân sự tỉnh	9	1.389	364	348	95,60	480	480	100,00	561
Tổng		1.792	174.926	29.377	27.728	94,39	9.364	9.010	96,22	137.738



CÁC NGHỊ QUYẾT CHUYÊN ĐỀ, ĐỀ ÁN, KẾT LUẬN CỦA TỈNH ỦY

STT	Số hiệu	Ngày văn bản	Trích yếu nội dung
I NGHỊ QUYẾT			
1	Số 03-NQ/TU	03/02/2021	Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.
2	Số 04-NQ/TU	17/02/2021	Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.
3	Số 05-NQ/TU	22/02/2021	Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
4	Số 06-NQ/TU	15/3/2021	Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
5	Số 08-NQ/TU	20/5/2021	Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
6	Số 09-NQ/TU	25/02/2022	Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
7	Số 10-NQ/TU	05/7/2022	Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030.
II ĐỀ ÁN			
8	Số 04-ĐA/TU	25/8/2021	Đề án của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025.
9	Số 05-ĐA/TU	15/11/2021	Đề án của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về mở rộng đối ngoại, chủ động hội nhập và

			hợp tác quốc tế giai đoạn 2021-2025.
10	Số 07-ĐA/TU	30/6/2022	Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.
III	KẾT LUẬN		
11	Số 30-KL/TU	18/02/2020	Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 30/9/2016 về nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.
12	Số 31-KL/TU	23/02/2021	Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án Đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2025.
13	Số 69-KL/TU	09/4/2021	Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Đề án Tăng cường công tác dân vận trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện biên giới đến năm 2025.
14	Số 98-KL/TU	28/4/2021	Kết luận về tiếp tục tổ chức thực hiện Đề án thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.
15	Số 111-KL/TU	03/6/2021	Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống y tế cấp cơ sở”.
16	Số 112-KL/TU	03/6/2021	Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng giáo dục vùng đặc biệt khó khăn”.
17	Số 209-KL/TU	06/8/2021	Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 30/9/2016 về “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực”.
18	Số 224-KL/TU	18/10/2021	Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án “Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng của Đảng bộ tỉnh”.



**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIV, NHIỆM KỲ 2020-2025**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Ước thực hiện giai đoạn 2021 - 2023			Ước thực hiện giai đoạn 2020 - 2025		
				Kết quả đạt được	Tỷ lệ % so với mục tiêu nghị quyết	So sánh với mục tiêu nghị quyết Đại hội	Kết quả đạt được	Tỷ lệ % so với mục tiêu nghị quyết	So sánh với mục tiêu nghị quyết Đại hội
I	Các chỉ tiêu về kinh tế								
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP	%	9-10	3,91		Chưa đạt	6,14		Khó đạt
	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	65	47,5	73,1%	Chưa đạt	58,7	90,4%	Khó đạt
	Cơ cấu kinh tế								
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	12,44	15,16		Chưa đạt	14,29		Khó đạt
	+ Công nghiệp, xây dựng	%	42,42	38,03		Chưa đạt	42,18		Đạt
	+ Dịch vụ	%	36,43	40,14		Chưa đạt	37,53		Vượt
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	8,71	6,67		Chưa đạt	6,0		Đạt
2	Giá trị gia tăng ngành nông nghiệp	%	>5	4,5		Chưa đạt	4,5		Khó đạt
	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Nghìn tấn	226	225,1	99,6%	Chưa đạt	226	100%	Đạt
	Diện tích cây chè	Ha	10.000	9.811	98,1%	Chưa đạt	10.443	104,4%	Vượt
	Diện tích trồng chè mới	Ha	2.400	1.819	75,8%	Chưa đạt	2.400	100%	Đạt
	Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc	%	>5	>5		Đạt	>5		Đạt
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	57,5	41,5		Chưa đạt	57,5		Đạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Ước thực hiện giai đoạn 2021 - 2023			Ước thực hiện giai đoạn 2020 - 2025		
				Kết quả đạt được	Tỷ lệ % so với mục tiêu nghị quyết	So sánh với mục tiêu nghị quyết Đại hội	Kết quả đạt được	Tỷ lệ % so với mục tiêu nghị quyết	So sánh với mục tiêu nghị quyết Đại hội
	Số huyện nông thôn mới	Huyện	2	0		Chưa đạt	2		Đạt
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	54,0	52,3		Chưa đạt	54,0		Đạt
3	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	3.000	2.134,6	71,2%	Chưa đạt	2.345	78,2%	Khó đạt
4	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu	%/năm	11,5	-7,8		Chưa đạt	5,7		Khó đạt
	Tốc độ tăng xuất khẩu hàng hóa địa phương tăng bình quân	%/năm	10,0	-17		Chưa đạt	7,41		Khó đạt
	Tổng lượt khách du lịch tăng bình quân hằng năm	%/năm	20,0	33,2		Vượt	23,0		Vượt
5	Tỷ lệ số thôn, bản có đường xe máy hoặc ô tô đi lại thuận lợi	%	100	99		Chưa đạt	100		Đạt
	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia	%	97	96,5		Chưa đạt	97,1		Vượt
	Tỷ lệ trường học được xây dựng kiên cố	%	100	99,7		Chưa đạt	100		Đạt
	Tỷ lệ trạm y tế xã được xây dựng kiên cố	%	100	94,2		Chưa đạt	100		Đạt
	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	93,0	90,0		Chưa đạt	93,0		Đạt
	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	99,0	99,0		Đạt	99,0		Đạt
II	Các chỉ tiêu về văn hóa, xã hội								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Ước thực hiện giai đoạn 2021 - 2023			Ước thực hiện giai đoạn 2020 - 2025		
				Kết quả đạt được	Tỷ lệ % so với mục tiêu nghị quyết	So sánh với mục tiêu nghị quyết Đại hội	Kết quả đạt được	Tỷ lệ % so với mục tiêu nghị quyết	So sánh với mục tiêu nghị quyết Đại hội
6	Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi	Xã	106	106	100%	Đạt	106	100%	Đạt
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 2 trở lên và đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 1 trở lên	%	100	100	100%	Đạt	100	100%	Đạt
	Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường:								
	Mẫu giáo	%	98,0	99,7		Vượt	99,8		Vượt
	Tiểu học	%	99,8	99,9		Vượt	99,9		Vượt
	Trung học cơ sở	%	95,0	94,4		Chưa đạt	95,0		Đạt
	Trung học phổ thông	%	60,0	56,0		Chưa đạt	60,0		Đạt
	Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia	%	66,0	61,2		Chưa đạt	66,7		Vượt
7	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	70,0	50,0		Chưa đạt	70,0		Đạt
	Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ	13	13	100%	Đạt	13	100%	Đạt
	Mức giảm tỷ suất sinh	%o/năm	0,4	1,69		Vượt	0,56		Vượt
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	<15	16,70		Chưa đạt	14,96		Đạt
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp	%	20	22,98		Chưa đạt	19,99		Đạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Ước thực hiện giai đoạn 2021 - 2023			Ước thực hiện giai đoạn 2020 - 2025		
				Kết quả đạt được	Tỷ lệ % so với mục tiêu nghị quyết	So sánh với mục tiêu nghị quyết Đại hội	Kết quả đạt được	Tỷ lệ % so với mục tiêu nghị quyết	So sánh với mục tiêu nghị quyết Đại hội
	còi								
8	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	3,0	3,4		Vượt	3,2		Vượt
	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo các huyện nghèo	%	4,0	4,7		Vượt	4,5		Vượt
	Giải quyết việc làm cho lao động hằng năm	Người/năm	8.500	8.695	102,3%	Vượt	8.893	104,6%	Vượt
	Đào tạo nghề cho lao động hằng năm	Người/năm	8.000	8.442	105,5%	Vượt	8.265	103,3%	Vượt
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	62,8	58,3		Chưa đạt	62,8		Đạt
9	Tỷ lệ thôn, bản, khu dân cư có nhà văn hóa	%	80,0	84,1		Vượt	84,1		Vượt
	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh	%	100	93,3		Chưa đạt	100		Đạt
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	86,0	86,0		Đạt	86,4		Vượt
	Tỷ lệ thôn, bản, khu phố đạt chuẩn văn hóa	%	75,0	74,6		Chưa đạt	75		Đạt
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	98,0	97,1		Chưa đạt	98,0		Đạt
III	Chỉ tiêu về môi trường								
10	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý	%	>95	98,2		Vượt	98,3		Vượt
	Tỷ lệ số xã, phường, thị	%	75,0	72,6		Chưa đạt	75,5		Vượt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Ước thực hiện giai đoạn 2021 - 2023			Ước thực hiện giai đoạn 2020 - 2025		
				Kết quả đạt được	Tỷ lệ % so với mục tiêu nghị quyết	So sánh với mục tiêu nghị quyết Đại hội	Kết quả đạt được	Tỷ lệ % so với mục tiêu nghị quyết	So sánh với mục tiêu nghị quyết Đại hội
	trần tại các huyện, thành phố được thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt								
IV	<i>Các chỉ tiêu về xây dựng đảng và hệ thống chính trị</i>								
11	Đảng bộ trực thuộc tỉnh hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	>80	>80	100	Đạt	>80	100	Đạt
	Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	>90	>90	100	Đạt	>90	100	Đạt
	Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ	%	>90	95	95	Vượt	95	95	Vượt
	Kết nạp đảng viên mới	Đảng viên	>1.000	2.840	100	Đạt	>1.000	100	Vượt
	Tổ chức chính quyền cơ sở đạt từ khá trở lên	%	>80	>80	100	Đạt	>80	100	Đạt
	MTTQ và đoàn thể CT-XH đạt từ tốt trở lên	%	>80	>96	>100	Vượt	>96	>100	Vượt